

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 27.02.2020
V/v tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Trình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ**

Bà Huỳnh Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V** – sinh năm 1988.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng L** – sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 209 đường H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Nguyễn Trọng L kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại Số 209 đường H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, chồng tôi là người vũ phu. Mục đích của hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

- *Về quan hệ con chung:* Chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Đắc Anh N – sinh ngày 19.9.2010. Ly hôn, tôi giao con cho ông Nguyễn Trọng L trực tiếp nuôi dưỡng và tôi cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

* *Bị đơn, ông Nguyễn Trọng L trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi thừa nhận những lời trình bày trên của bà V về nơi đăng ký kết hôn và thời điểm kết hôn và nơi chung sống sau khi kết hôn là đúng. Chúng tôi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chưa hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Đắc Anh N – sinh ngày 19.9.2010, như bà V đã trình bày là đúng, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý nuôi con, vì hiện tại cháu đang ở với gia đình tôi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Trọng L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Nguyễn Trọng L thì thấy:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Trọng L có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào năm 2010. Theo bà Nguyễn Thị V trình bày thì trong quá trình chung sống với ông Nguyễn Trọng L, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, và ông L có hành vi đánh đập bà.

Do vậy, bà V thấy đây là cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không thể duy trì nên bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Nguyễn Trọng L.

Còn ông Nguyễn Trọng L thì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhưng chưa đến mức phải dẫn đến ly hôn. Tuy nhiên, bà V không đồng ý và cương quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Nguyễn Trọng L và bà V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã và lớn tiếng với nhau. Do đó, việc bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với

ông Nguyễn Trọng L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Trọng L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đắc Anh N – sinh ngày 19.9.2010. Bà Nguyễn Thị V đồng ý giao con chung cho ông Nguyễn Trọng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ; Trong khi đó, ông Nguyễn Trọng L đồng ý nhận nuôi con, nhưng yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, nhưng bà V cho rằng với thu nhập của mình bà không có khả năng đáp ứng yêu cầu của ông L.

HĐXX xét thấy: Bà Nguyễn Thị V đang làm hợp đồng tại trường Mầm Non tư thực, thu nhập không ổn định, nên việc cấp dưỡng với số tiền lớn sẽ gây khó khăn trong việc thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà V thực hiện cấp dưỡng nuôi con phù hợp với khả năng thu nhập là phù hợp. Sau này, bà Nguyễn Thị V có điều kiện kinh tế và thu nhập ổn định và các bên có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Về mức cấp dưỡng, đề nghị HĐXX cân nhắc phù hợp với thu nhập thực tế của nguyên đơn để quyết định cho hợp lý.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Trọng L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V đối với ông Nguyễn Trọng L. Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50/2010 ngày 29.4.2010 của UBND xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- **Về quan hệ con chung:** Giao cháu Nguyễn Đắc Anh N – sinh ngày 19.9.2010 cho ông Nguyễn Trọng L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng tính từ tháng 3/2020 vào ngày 15 hàng tháng.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà V phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Tài đã nộp theo biên lai số 0004077 ngày 09.12.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- UBND xã Đại Đồng;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

